

BÀNG BÁ LÂN

Kỷ niệm với
NGUYỄN NHƯỘC PHÁP

kỷ niệm với
NGUYỄN NHƯỢC PHÁP

Bàng Bá Lân

kỷ niệm với Nguyễn Nhược Pháp

Bàng Bá Lân

Bìa: *Internet*

Trình bày: *Muôn Phương*

Nguồn: *Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

kỷ niệm với
Nguyễn Nhược Pháp

(Trích Kỷ niệm Văn thi sĩ hiện đại)

BÀNG BÁ LÂN

MÁY LỜI TÂM SỰ

TÔI say mê thơ văn từ hồi còn là một học sinh. Tôi thuộc khá nhiều thơ văn của các thi, văn sĩ Tây phương, Trung quốc và nước nhà. Nhiều lúc ngâm đọc những bài thơ, đoạn văn ưa thích, tôi thường tự hỏi: “Không biết tác giả có thích như mình không? Đây có phải bài thơ, đoạn văn mà tác giả ưng ý nhất không? Và nếu không thì là bài thơ nào, đoạn văn nào?”

Đồng thời với những câu hỏi này – những câu hỏi thật khó trả lời – tôi bỗng nảy ra ý ước ao giá có những phê bình gia cùng thời và quen biết các thi, văn sĩ ấy làm

cái việc mà mình đang muốn biết này, há chẳng hay lắm ru!

Ý nghĩ ấy cứ ám ảnh tôi hoài, nhất là những khi tôi đọc những bài phê bình văn học hoặc chính tôi phải làm việc bình giảng văn thơ. Mắt nhìn những dòng chữ nhảy nhót mà lòng tôi thắc mắc hoang mang... Tôi hoài nghi tự hỏi: “Có thật tác giả có tư tưởng này, có dụng ý kia, có tâm sự nọ? Hay tất cả chỉ là võ đoán?” Rồi sự thắc mắc trên đưa tới kết luận này: “Muốn phê bình thật đúng một nhà thơ, nhà văn nào, phải quen biết nhà thơ, nhà văn ấy!”

Và đứng vững ở quan điểm đó, tôi có ý định viết một quyển sách phê bình văn học để làm thỏa mãn phần nào những người ưa thích văn thơ có những đòi hỏi như tôi, nghĩa là một quyển sách phê bình không giống những sách phê bình đã có ở nước ta.

Độc giả đọc sách này – ngoài chân dung tiểu sử, thủ bút, chữ ký – còn được đi sâu phần nào vào tâm tình một số các nhà thơ, nhà văn hữu danh hiện đại qua những kỷ niệm vui buồn, ngộ nghĩnh hay cảm động; được thưởng thức những vần thơ, những áng văn đặc sắc của các thi, văn sĩ ấy; được biết những bài thơ nào, áng văn nào họ ưa thích nhất và sáng tác trong trường hợp nào; được hiểu rõ và đúng cái hay, cái đẹp của thơ văn.

CHẮC có một số bạn đọc khó tính sẽ cho là tác giả sách này nói nhiều đến mình. Chính tôi cũng rất kỵ điều ấy, vì hăng không quên lời nói của miệng của tây phương “Le moi choque toujours” (Cái tôi rất chướng) và câu nói rất phổ biến của hiền giả Pascal: “Le moi est haïssable” (Cái tôi đáng ghét). Nhưng ở đây tôi muốn làm nhịp cầu thông

cảm giữa các nhà văn nhà thơ với bạn đọc, làm tấm gương phản chiếu tâm tình của họ để độc giả soi xem. Qua “cái tôi” của tôi, các bạn sẽ nhìn rõ ở “cái tôi” của các thi, văn sĩ ấy. Vậy nếu tôi trốn “cái tôi” của tôi thì làm sao mà thực hiện được ý muốn trên? Cho nên việc nói đến mình ở đây tưởng không khác gì việc các nhà viết ký ức (mémoires) vẫn thường làm. Và đây cũng là một loại ký ức — ký ức và phê bình — nên mới mang cái nhan đề dài dòng: “KỶ NIỆM...”

TRONG số mười văn thi sĩ mà tôi đưa ra giới thiệu hôm nay, có người có thể sẽ thành “bất tử”, có người rồi ra chỉ còn là “vang bóng một thời”, có người đã tự tạo được một vòng hào quang khá rực rỡ, có người chưa có mấy tiếng tăm; nhưng tất cả đều đã ít nhiều đóng góp vào công việc xây dựng lâu đài văn học Việt Nam với tất cả

khả năng và tinh huyết. Riêng một điều đó cũng đáng kể rồi.

TÔI biết còn nhiều nhà văn, nhà thơ có tài và có tiếng bằng hoặc hơn những người có mặt ở đây, và tôi tiếc rằng chưa giới thiệu được. Ấy là vì tôi chưa được hân hạnh quen các vị đó, hoặc mới chỉ biết sơ sơ. Nhưng tôi thành thực mong rằng “CHƯA” không phải là “KHÔNG”. Và khi cho in quyển sách này, tác giả cũng như nhà xuất bản đều tin tưởng rằng đây mới chỉ là quyển thứ nhất.

Sàigòn, ngày 16 tháng 8 năm 1962

Bàng Bá Lân



Thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp
(1914 – 1938)

NGUYỄN NHƯỢC PHÁP là con nhà văn Nguyễn Văn Vĩnh, sinh ngày 12-12-1914 ở Hà Nội, mất ngày 19-11-1938. Học trường trung. học Albert Sarraut, đậu tú tài Pháp, có học luật. Làm thơ từ năm 1932, và có viết nhiều truyện ngắn và kịch.

Từng viết giúp: L'Annam Nouveau, Tinh Hoa, Hà Nội báo, Đông. Dương tạp chí (lớp sau).

Đã xuất bản: Ngày Xưa (thơ, 1935), Người học vẽ (kịch, 1936).

MÙA đông năm 1934. Tôi thường lui tới nhà in Lê Cường ở 88 phố Huế, Hà Nội để sửa bản in thử (morasse). Hồi đó, tôi đang cho in tập thơ đầu tay: “Tiếng Thông Reo”. Lần sau cùng, khi đến coi sách vào bìa, tôi thấy thợ đang sắp chữ một tập thơ mới. Vì thì giờ và vội đi, tôi cũng không để ý nếu một bác thợ đứng gần đấy không cao hứng đọc to bản rập thử: “Sơn tình, Thủy tình” Những tiếng lạ tai và vô nghĩa ấy kêu gọi trí tò mò của tôi. Tôi liền vẩy tay ra hiệu bảo bác đưa coi bản in thử. Và tôi đọc, trước lơ đãng, sau chăm chú dần dần.

Thì ra đó là bài thơ đầu mà cũng là bài thơ — theo tôi — có giá trị nhất trong tập

Ngày Xưa của Nguyễn Nhược Pháp, một nhà thơ lúc đó — cũng như tôi — chưa ai biết tiếng vì một lẽ giản dị là mới đang sửa soạn ra đời. Bài thơ ấy nhan đề là “Sơn Tinh, Thủy Tinh” chứ không phải “Sơn tình, Thủy tình” như bác thợ in đã đọc lầm. Số là nhà in Lê Cường, tức nhà thuốc Hồng Khê, khi ấy mới khai trương nên chữ in còn thiếu nhiều, nhất là loại chữ lớn Việt-ngữ. Bởi thế mấy tập thơ, hồi đó, in tại đây đều bị sắp những đầu bài bằng chữ không dấu (chữ Pháp), mặc ai muốn đoán thế nào thì đoán! Vậy mà chúng tôi không thấy chướng mắt, cả đọc giả nữa. Có lẽ tại ngày ấy người ta còn giản dị, dễ dàng.

Thế là, không quen biết Nguyễn Nhược Pháp mà cũng chưa nghe nói đến cái tên ấy bao giờ, lần đầu tiên tôi thường thức thơ anh giữa tiếng máy chạy rầm rầm, trên mảnh giấy in thử nhỏ nhem và sai lầm be bét. Nhưng không vì thế mà bài thơ kém

hay, trái lại nữa. Câu chuyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh” không lạ gì với tất cả chúng ta. Nhưng phải được nghe Nguyễn Nhược Pháp kể lại — mà kể bằng thơ — mới cảm thấy hết cái thi vị và thú vị của nó. Hơn nữa, lời thơ dí dỏm, nụ cười hóm hỉnh của anh càng làm cho câu chuyện thêm duyên dáng đậm đà và có tính cách khôi hài nữa. Tác giả như một ông tạo hóa con ngồi thông thả nặn những nhân vật xưa, cho diễn lại những chuyện cũ, rồi ngồi cao xem, cười lặng lẽ một mình. Với Nguyễn Nhược Pháp không có gì là quan trọng hết, dù là cuộc đời, vua chúa hay thần nhân.

Đọc thơ anh, ta vui nhưng không vui ồn ào, không cười ầm ỹ. Ta chỉ cười thầm, nhưng là những nụ cười sâu sắc, ý vị biết bao! Và ta thấy — cùng với tác giả — mến yêu những người xưa tha thiết.

Ta hãy xem tác giả gây không khi trước
khi tạo nhân vật để đặt cho đúng chỗ:

*Ngày xưa, khi rừng mây u ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần,
Con vua Hùng Vương thứ mười tám,
Mỵ Nương xinh như tiên trên trần...*

Có lẽ tôi cần phải sao lục toàn bài thơ
ấy ra đây mới dễ trình bày cảm tưởng ban
đầu của tôi đối với tác giả “Ngày Xưa”. Vậy
xin độc giả hãy cùng tôi đọc tiếp:

*Tóc xanh viền má hây hây đỏ,
Miệng nàng bé thắm như san hô,
Tay ngà trắng nõn hai chân nhỏ:
Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ.
Hùng Vương thường nhìn con yêu quá,
Chắp tay ngẩng lên trời tạ ân
Rồi cười bảo xứng ngôi phò mã
Trừ có ai ngang vì thần nhân.
Hay đâu thần tiên đi lấy vợ,
Sơn Tinh, Thủy Tinh lòng tơ vương,*

Không quản rừng cao, sông cách trở,
Cùng đến Phong Châu xin Mỹ Nương.
Sơn Tinh có một mắt ở trán,
Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì.
Một thần phi bạch hổ trên cạn,
Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi.
Hai thần bên cửa thành thi lễ,
Hùng-vương âu yếm nhìn con yêu.
Nhưng có một nàng mà hai rể,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều!
Thủy tinh khoe thần có phép lạ,
Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,
Bắt quyết hò mây to nước cả,
Dậm chân rung khắp làng gần quanh.
Ào ào mưa đổ xuống như thác,
Cây xiêu, cầu gãy, nước hò reo,
Lăn, cuốn, găm, lay, tung sóng bạc,
Bò, lộn, và cột nhà trôi theo.
Mỹ Nương ôm Hùng Vương kinh hãi,
Sơn Tinh cười, xin nàng đừng lo,
Vung tay niệm chú: Núi từng dải,

Nhà lớn, đôi con lồm ngồm bò
Chạy mưa. Vua tùy con kén chọn.
My Nương khép nép như cành hoa:
“Con đây phận đào tơ bé mọn,
Nhân duyên cúi để quyền mẹ cha!”
Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước,
Rồi bảo mai lửa hồng nhuộm sương
Lẽ vật thần nào mang tới trước,
Vui lòng vua gả nàng My Nương.

* * *

Bình minh má ửng đào phơn phớt,
Ngọc đỏ rung trên đầu lá xanh.
Ngọn liễu chim vàng ca thánh thót,
Ngự giá Hùng-vương lên mặt thành.
My Nương bên lầu son tựa cửa,
Rèm ngọc lơ thơ phủ áo hồng.
Cánh nhạn long lanh vờn ánh lửa,
Mê nàng, chim ngẩn lừng trời đông.
Rừng xanh thả mây đào man mác,
Sơn Tinh ngồi bạch hổ đi đầu,

Minh phủ áo bào hồng ngọc dát,
 Tay ghì cương hổ, tay cầm lau.
 Theo sau năm chục con voi xám
 Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều,
 Túi bạc, kim cương, vàng lấp lánh,
 Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.
 Hùng vương trên mặt thành liễu rủ,
 Hớn hở thần trông, thoảng nụ cười.
 Thần suốt đêm sao dài không ngủ,
 Mây ngài mắt phượng vẫn còn tươi.
 Sơn Tinh đến lạy chào bên cửa,
 Vua thân ngự đón nàng Mỹ Nương.
 Lầu son nàng ngoái trông lẫn lửa,
 Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.
 Quỳ lạy cha già lên kiệu bạc,
 Thương người, thương cảnh xót lòng
 đau.
 Nhìn quanh, khói tỏa buồn man mác,
 Nàng kêu: “Phụ vương ôi! Phong Châu!”
 Kiệu nhỏ đưa nàng đi thoăn thoắt,
 Hùng-vương mở vịn tay bờ thành.

Trông bụi hồng tuôn xa, xa lắt,
Mắt nhòa lệ ngọc ngấn đầm quanh...
Thoảng gió vù vù như gió bể,
Thủy Tinh ngồi trên lưng rồng vàng.
Yên gấm tung dài bay đỏ chóa,
Mình khoác bào xanh da trời quang.
Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đội năm mươi hòm ngọc trai,
Khập khiễng bò lê trên đất lạ,
Trước thành tấp tễnh đi hàng hai.
Hùng-vương mặt rồng chau ủ rủ,
Chân trời còn phảng bóng người yêu,
Thủy Tinh thúc rồng đau kêu rú,
Vừa uất vì thương, vừa bởi kiêu.
Co hết gân nghiêng răng, thân quát:
– Giết! Giết Sơn Tinh hả hồn ta!
Tức thời nước sủ reo như thác,
Tôm cá quăng ngọc trai mà hoa.

* * *

Sơn Tinh đang kèm theo sau kiệu,

Áo bào phơ phất nụ cười bay.
 (Vui chỉ mê ai xinh mới hiểu)
 Thần trông kiêu nhỏ hồn thêm say.
 Choàng nghe sóng vỗ reo như sấm,
 Bạch hồ dừng chân, lùi, vánh tai.
 Mỹ Nường tung bức rèm đỏ thắm,
 Sơn Tinh trông thấy càng dương oai.
 Sóng cả gầm reo lẫn như chớp,
 Thủy tinh cười lưng rồng hung hăng.
 Cá voi quác mồm to muốn đớp,
 Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng.
 Càng cua lồm chồm giờ như mắc,
 Tôm kènh chạy quắp đuôi xôn xao.
 Sơn Tinh hiểu thần ghen, tức khắc
 Niệm chú, đất nẩy vù lên cao.
 Hoa tay thần vẩy hùm, voi, báo.
 Đuôi quắp, nhe nanh, giờ vượt đồng,
 Đạp long đất núi, gầm xông xáo,
 Máu vọt phì reo muôn ngấn hồng.
 Mây đen hăm hờ bay mù mịt,
 Sấm ran, sét động nổ lòe xanh.

*Tôm cá xưa nay im thin thít,
Mở quác mồm to kêu thất thanh.
Mỹ Nường kinh hãi ngồi trong kiệu,
Bỗng chợt nàng kêu mắt lệ nhòa.
(Giọng kêu hay buồn không ai hiểu,
Nhưng thật dễ thương): “Ô! Vì ta!”
Thủy tinh năm năm dâng nước bể,
Đục núi hò reo đòi Mỹ Nường.
Trần gian đâu có người đại thế,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường!*

4-1933

* * *

Thật là kiệt tác. Ngoài những câu chứa chan thi vị hoặc lời đẹp như gấm làm người đọc chú ý ngay từ đầu, còn những nụ cười hóm hỉnh nhưng hiền lành, dí dỏm một cách thông minh ẩn sau những câu thơ đặc ý.

Cũng vì thời ấy “sông núi vang um tiếng thần” nên người ta thường có dịp tiếp xúc với thần thánh và Hùng Vương mới không kinh ngạc thấy:

*Sơn Tinh có một mắt ở trán,
Thủy tinh lâu rìa quăn xanh rì
Một thần phi bạch hổ trên cạn,
Một thần cười lưng rồng uy nghi...*

và cả hai thần cùng đến Phong Châu “xin My Nương”.

Xin My Nương, vì thời đó thần tiên cũng “đi lấy vợ”, cũng để cho “lòng tơ vương” và — cũng như người trần chúng ta — thích khoe khoang:

*Thủy tinh khoe thần có phép lạ,
Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,
Bắt quyết hò mây to nước cả,
Dậm chân rung khắp làng gần quanh...*

cũng biết “lấy le” với gái:

*Mỵ Nương ôm Hùng Vương kinh hãi,
Sơn tinh cười, xin nàng đừng lo,
Vung tay niệm chú: Núi từng dải,
Nhà lớn đôi con lồm ngồm bò...*

cũng biết “dương vây” trước người đẹp:

*Choàng nghe sóng vỗ reo như sấm,
Bạch hồ dừng chân, lùi, vểnh tai.
Mỵ Nương tung bức rèm đỏ thắm,
Sơn Tinh trông thấy càng dương oai.*

cũng ghen tức đến “choảng” nhau kịch liệt:

*Thủy tinh năm năm dâng nước bể,
Đục núi hò reo đòi Mỵ Nương.
Trần gian đâu có người đại thế,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường!*

Cái cười của Nguyễn Nhược Pháp là cái cười trong sáng, thông minh, tao nhã. Qua suốt cả bài thơ, ta thấy tác giả luôn luôn tùm tùm cười, nụ cười hóm hỉnh nhưng hiền lành đầy tình thương mến.

Tả nổi lương lự, bản khoản của Hùng Vương, anh có những câu rất dí dỏm, thú vị:

Nhưng có một nàng mà hai rế,

Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều!

và:

Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước.

Tả cái ghen của Thủy Tinh, anh hóm hỉnh viết:

Trần gian đâu có người đại thế,

Cũng bởi thần yêu nên khác thường!

Nói về phép mầu của Sơn tinh, anh dùng chữ rất tài tình, linh động:

Niệm chú, đất nẩy vù lên cao.

Đoạn tả hình dạng Sơn Tinh, Thủy Tinh và cuộc tranh hùng của hai thần có

một vẻ đẹp hùng tráng của những nhân vật trong anh hùng ca. Xen vào đấy, ta vẫn luôn luôn thoáng thấy nụ cười tinh nghịch của thi nhân điểm xuyết cho câu chuyện thêm phần hứng thú. Ai đọc mà không phải buồn cười một cách thú vị trước những hình ảnh kỳ cục tức cười như:

Nhà lớn, đôi con lổm ngổm bò

Chạy mưa.

Và cảnh cua, tôm, cá đội những hòm ngọc trai đi dẫn cưới:

Khập khiễng bò lê trên đất lạ,

Trước thành tấp tểnh đi hàng hai.

Rồi chính những con vật vụng về ấy lại đột nhiên trở thành một đạo binh kỳ quái, hùng dũng một cách tức cười:

Tôm cá quăng ngọc trai mà hoa...

.

*Cá voi quác mồm to muốn đớp,
Cá mập quấy đuôi cuồng nhe răng.
Càng cua lỏm chỏm giờ như mác,
Tôm kênh chạy quắp đuôi xôn xao.*

.

*Tôm cá xưa nay im thin thít,
Mở quác mồm to kêu thất thanh.*

Ta tưởng như xem những hoạt họa
khôi hài của Walt Disney trên màn bạc.

Ngoài ra, còn những câu tả cảnh chúa
chan thi vị làm cho người đọc phải đặc biệt
chú ý, như:

*Bình minh má ửng đào phơn phớt,
Ngọc đỏ rung trên đầu lá xanh.*

Ngọn liễu chim vàng ca thánh thót...

.

Rừng xanh thả mây đào man mác, v.v...

và những câu tả Mỹ Nương rất khéo: lúc nàng bẽn lẽn khi vua cho “tùy con kén chọn”:

Mỹ Nương khép nép như cành hoa.

cũng như khi nàng khóc nhớ lúc ra đi theo chồng:

Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.

Nàng xinh đẹp, dịu dàng như vậy, cho nên chẳng những rất nhiều chàng say đắm:

Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ!

mà cả đến chim cũng phải đắm say:

Cánh nhạn long lanh vờn ánh lửa,

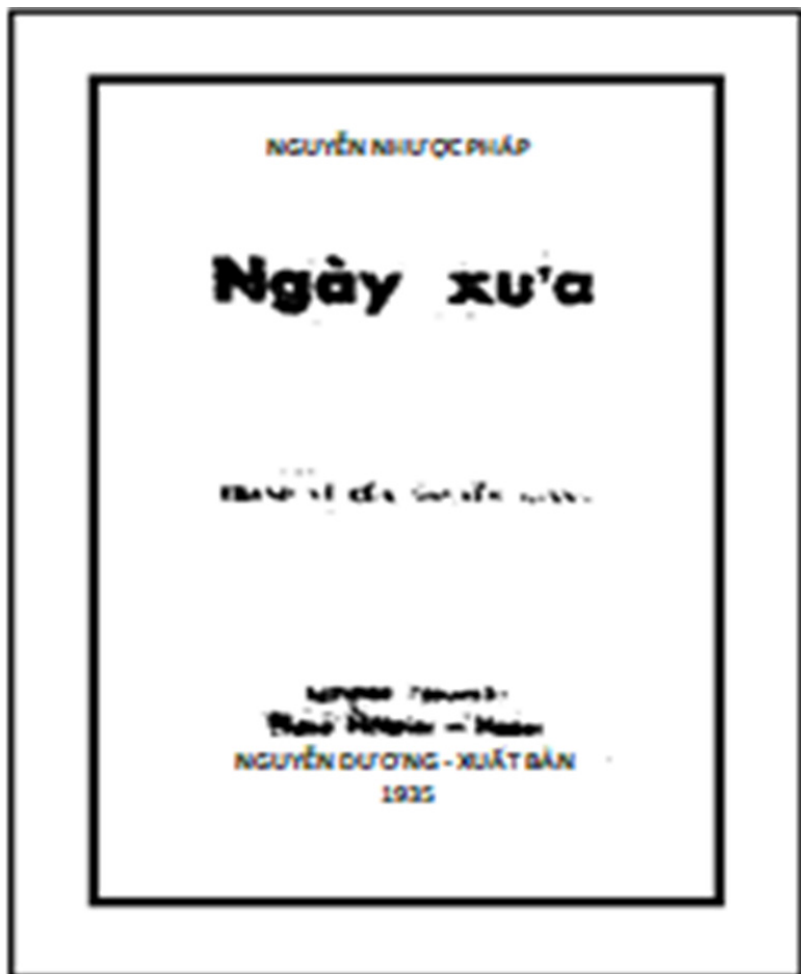
Mê nàng, chim ngẩn lúng trời đông.

* * *

Xưa rầy, nói đến Nguyễn Nhược Pháp, người ta thường chỉ nhắc đến bài thơ “Chùa Hương”, mà hầu như không biết đến bài “Sơn Tinh, Thủy Tinh” này. Các tập thi tuyển cũng vậy. Thực là một thiếu sót đáng kể. Vì chỉ ở bài này, ta mới thấy rõ nụ cười duyên dáng đặc biệt, mới thấy hết cái thiên tài độc đáo của anh. Đọc những câu thơ trên đây, ta có thể thấy rõ cả sự thích của thi nhân khi gieo được những vần đặc ý. Và đây hẳn là đề tài mà, khi viết, tác giả “Ngày Xưa” có nhiều cảm hứng nhất. Có lẽ cũng vì thế mà anh đã đề bài này lên đầu tập thơ và, để quảng cáo cho sách khi sắp phát hành, anh đã chọn bài này cho đăng trên báo Nhật Tân hồi ấy (đầu năm 1935).

Đó là một cơ khiến tôi không ngần ngại sao lục trên đây toàn bài thơ trường

thiên ấy để bạn đọc tiện so sánh mà hiểu biết mọi khía cạnh về nụ cười trong sáng của Nguyễn Nhược Pháp. mà Hoài Thanh — trong cuốn Thi nhân Việt Nam — đã phê bình rất đúng như sau: Cái cười của Nguyễn Nhược Pháp khác xa những lối bông lơn khó chịu... Nó hiền lành và thanh tao. Nội chừng ấy có lẽ cũng đủ cho nó có một địa vị trên thi đàn. Nhưng còn một điều này nữa mới thật quý: Với Nguyễn Nhược Pháp, nụ cười trên miệng bao giờ cũng kèm theo một ít cảm động trong lòng. Những cảnh, những người đã khiến thi nhân cười cũng là những cảnh những người thi nhân mến.



Hình bìa thi phẩm NGÀY XƯA
của Nguyễn Nhược Pháp,
Nguyễn Dương xuất bản lần đầu, đầu năm 1935
56 trang, khổ 13,5×15 cm,
gồm có 10 bài thơ và 1 tranh vẽ.

Mùa xuân năm 1935. Bấy giờ tôi đang ở ẩn tại một miền quê thuộc tỉnh Bắc Giang. Mảng vui cảnh suối đôi vườn ruộng, tôi ít khi bước chân đến chốn thị thành. Vì thế, tập thơ Ngày Xưa của Nguyễn Nhược Pháp đã phát hành mà tôi vẫn chưa được đọc.

Bỗng một hôm, một người em cô cữu đến chơi cho tôi hay là anh vừa được coi bài phê bình tập thơ “Tiếng Thông Reo” trong báo L’Annam Nouveau do Nguyễn Nhược Pháp viết. Tôi vội cho người đi mượn số báo đó của ông điền chủ ở gần bên. Vì ông này là bạn thân của ông Nguyễn Văn Vĩnh (thân sinh ra Nguyễn Nhược Pháp) nên tất cả những báo chí do ông Vĩnh xuất bản, chủ trương, ông đều mua cả. Số báo đó là số báo ngày 11-4-1935. Tôi chăm chú đọc

bài phê bình dưới cái đề mục “Le coin des rimeurs”.

Đọc xong, tôi cảm động và thấy mến anh vô cùng. Cảm mến, không phải vì anh đã quá khen tôi, mà vì văn anh viết rất lưu loát, lời nhã nhặn và duyên dáng; hơn nữa, anh tỏ ra hiểu tôi nhiều.



Phụ bản thi phẩm NGÀY XƯA
do Nguyễn Giang vẽ

(Nguyễn Giang, anh ruột Nguyễn Nhược Pháp, vừa là họa sĩ vừa là nhà thơ - tác giả tập thơ Trời xanh thăm).

Tôi liền viết một bức thư cảm ơn và nhân tiện để làm quen, gửi về tòa soạn L'Annam Nouveau. Ít ngày sau thì nhận được thư trả lời để ngày 20-4-1935, kèm theo một cuốn “Ngày Xưa” in trên giấy thiết tốt (vergé baroque crème). Trong bức thư này, có mấy câu mà tôi nhớ mãi¹.

Thơ tôi thiên về đồng quê, dĩ nhiên vì tôi vốn ưa mến cảnh đồng ruộng và từng sống nhiều ở đó, nhưng một phần cũng vì lời khuyến khích của Nguyễn Nhược Pháp. Hơn hai mươi năm qua rồi, kiểm điểm lại những sáng tác của mình, tôi không khỏi

1 L.T.S. Tân Phong: Trong bức thư của Nguyễn Nhược Pháp, có đoạn như sau này: “Tôi rất lấy làm mừng vì đã hiểu được tâm hồn anh. Cái vui nhất của người phê bình là đã hiểu thấu được tâm hồn tác giả cuốn sách. Như ý tôi, thì phải thật là thi sĩ mới biết yêu thú quê, cái thú vui mộc mạc. Ca hát tình yêu thì hỏi người trai trẻ nào mà không ca? Đã là văn thì phải cần có cái gì xuất sắc. Thơ anh hơi điểm chút buồn, nhưng cái buồn êm ái điểm đậm. Thơ cảnh lại có tình thi hoàn toàn vậy. Tôi dám quả quyết rồi sau này anh sẽ chiếm một địa vị độc nhất trong làng thơ: anh sẽ là thi sĩ của thôn quê. Chắc, anh không quên nhà thi sĩ la-tinh trứ danh nhất là Virgile, một người yêu cảnh thôn quê một cách lạ lùng. Anh nên lấy mà làm gương...”

buồn rầu và hổ thẹn, vì nhận thấy không xứng đáng với lòng tin tưởng của anh đối với tôi.

Từ bữa đó, chúng tôi thường viết thư cho nhau, anh cho tôi biết địa chỉ nhà riêng (số 7, route du Village du Papier, Hà nội) và bảo tôi về chơi. Cái biệt thự này của ông Nguyễn Văn Vĩnh, tôi có biết; vì trước đó suốt mấy năm học trường Bưởi, ngày nào tôi cũng bốn buổi đi qua. Tôi sốt sắng hẹn với anh về chơi, cũng như anh hứa sẽ lên thăm tôi ở ấp. Nhưng rồi cả tôi lẫn anh đều cứ lần lần lừa lừa để lời hứa hẹn trôi xuôi. Có lẽ tại bấy giờ chúng tôi đều còn trẻ quá, cho là ngày dài tháng rộng lo chi.

Thế rồi một hôm tôi bỗng nhận được thư anh bảo tôi viết bài gửi đăng báo L'Annam Nouveau cho vui. Anh khoe đã kéo được cả Huy Thông, Leiba cùng viết. Nhưng rồi bài báo đầu tiên của tôi gửi về

đã làm anh... ngần ngại. Vì anh yên trí tôi sẽ viết bài về văn chương, thì tôi lại bàn đến vấn đề dân số và khai khẩn đất hoang với tất cả thể thức phiếu nhiều của nó. Tôi còn nhớ đầu đề bài ấy là « Autour du problème démographique au Tonkin ».

Nhận được bài này, anh có cảm tưởng y hệt như cảm tưởng của một người yêu thơ đến thăm Tản Đà để nghe thơ thì lại chỉ được nghe toàn chuyện... ăn nhậu.

Còn một điều đáng nói nữa về Nguyễn Nhược Pháp là thái độ thẳng thắn và cứng cỏi của anh. Hồi ấy, thơ mới đang được đất nẩy nở. Ngôi sao Thế Lữ đang sáng chói. Trên thi đàn, nhà thơ này mặc sức dương đông kích tây. Dưới bút hiệu Lê-Ta, ông bình thơ người này người khác. Phần nhiều bị ông diễu cợt chê bai. Thẳng hoặc có tập thơ được ông khen, nhưng lại khen bằng một giọng trích thượng, Được vậy là nhờ

nhóm Tự Lực văn đoàn đang có ưu thế và báo Phong Hóa đang được nhiều người ủng hộ. Giữa lúc ấy, Nhược Pháp đứng ra chống với Thế Lữ. Luôn mấy kỳ, trên báo L'Annam Nouveau anh phân tích và vạch rõ những cái dở, cái sai lầm trong thơ Thế Lữ. Thế Lữ hung hăng đả kích lại trên báo Phong Hóa. Nhưng trước những lý lẽ chắc chắn vững vàng trình bày bằng một giọng điềm đạm của Nhược Pháp, Thế Lữ nhụt dần...

Trong một bức thư viết cho tôi, Nhược Pháp có nói về Thế Lữ như sau: « Thế Lữ không phải là một người biết yêu sự thật giản dị. Thế Lữ ưa những sự hoang đường vô nghĩa lý, dễ lòe mắt trẻ con hay những người không có học ». Lời phê bình tuy hơi khe khắt, nhưng không phải không có phần đúng.

Ít lâu sau, trên báo Phong Hóa, bỗng có một bài phê bình tập thơ Ngày Xưa với những lời khen ngợi nồng nàn ít có, dưới ký tên Lê Ta. Thái độ của Thế Lữ thật đáng khen và càng chứng tỏ cái chân tài của Nhược Pháp vậy.

* * *

Thế rồi cái ngày tang tóc đến một cách hết sức đột ngột. Một ngày vào hạ tuần tháng Novembre 1938, tôi coi trong báo bỗng thấy mấy dòng cáo phó làm tôi rụng rời: Nguyễn Nhược Pháp đã mất tại bệnh viện Lanessan hồi 7 giờ sáng ngày 19-11-1938 (tức ngày 28 tháng 9 năm Mậu Dần). Vì tôi ở quê, báo đến chậm, biết tin thì thì hài Nguyễn Nhược Pháp đã nằm yên dưới đất rồi. Thế là tôi không bao giờ được gặp Pháp. Cũng không được đưa đám mà anh. Tôi buồn rầu giở hết cả thư và thơ của anh ra xem lại. Càng đọc, tôi càng thương tiếc

anh và càng giận tôi vô hạn. Sao tôi lại có thể lần chân, lười biếng đến như thế được! Suốt trong thời gian quen Nguyễn Nhược Pháp, tôi cũng có nhiều lần về Hà Nội và cũng đã nhiều lần tự nhủ sẽ đến thăm anh... Thế mà rồi vì phải chạy nhiều việc, vì vội về, vì ngại xa, cứ lần lữa tự khất dịp này qua dịp khác, để đến nỗi bây giờ!!!

Hôm ấy, tiết trời vào cuối thu. Ngoài vườn gió heo may bứt tía lá vàng, tung đi muôn ngả. Tôi chợt nhớ đến câu thơ của Tản Đà mà không lúc nào tôi thấy hợp cảnh hợp tình bằng lúc đó:

Vèo trông lá rụng đầy sân,

Công danh phù thế có ngân ấy thôi!

(Bài này phần nói về những kỷ niệm đã đăng ở tập san Tản Phong số 8 (tháng 11 năm 1959); phần phê bình thơ đã đăng ở tạp chí Phổ Thông số 48 ngày 15-12-1960.)

Thi tuyển:

Mấy bài thơ đặc sắc trong thi phẩm
NGÀY XƯA.

TAY NGÀ

*Đêm nay chờ trăng mọc,
Ngồi thần thơ trong vườn.
Quanh hoa lá róc rách,
Như đua bắt làn hương.*

*Ta ngồi bên tảng đá,
Mơ lều chiếu ngày xưa,
Mơ quan Nghè, quan Thám
Đi có cờ lọng đưa.*

*Rồi bao nàng yếu điệu
Ngấp ghé bay trên lầu,
Vừa leng keng tiếng ngựa,
Lệ gót tiên gieo cầu.*

*Tay vờ cầu ngũ sắc
Má quan Nghè hây hây.
Quân hầu reo chuyển đất,
Tung cán lọng vừa quay.*

*Trên lầu mấy thị nữ
Cùng nhau khúc khích cười:
“Thưa cô đừng thẹn nữa,
Quan Nghè trông lên rồi!”*

*Cúi đầu nàng tha thướt,
Yêu kiều như mây qua.
Mắt xanh nhìn man mác
Mím cười vê cảnh hoa.*

*Ta còn đang luyến mộng,
Yêu bóng người vẫn vờ;
Tay ngà ai phủ trán?
- Hiu hắt ánh trăng mờ...*

2-5-1934

MỘT BUỔI CHIỀU XUÂN

(Thiên ký sự của một thư sinh đời trước)

*Hôm đó buổi chiều xuân,
Trông mây hồng bay vân,
Liền gập pho kinh sử,
Lững thững khỏi lầu văn.*

*Đường leo, nhà lom khom,
Mái xanh, tường rêu mòn.
Ta nhìn, ngâm nga đọc
Câu đối cửa mầu son.*

*Phu khiêng kiệu ngấn ngơ,
Thầy lại và thầy thơ
Ngồi xôm cười bên lọng,
Trước cửa tòa dinh cơ.*

Cường da buộc thân cây,
Vài con ngựa lắc dây,
Nghển đầu lên gặm lá,
Đạp chân nghiêng mình xoay.

Đi vui rồi vẫn vợ,
Hay đâu thức còn mơ.
Lạc vào trong vườn mộng,
Mồm vẫn còn ngâm thơ!

Ô! Vườn bao nhiêu hồng!
Hương nghi ngút đầu bông.
Lầu xa tô mái đỏ,
Uốn éo hai con rồng.

Thoảng tiếng vàng thanh tao,
Bên giàn lý bờ ao,
Một nàng xinh như liễu
Ngồi ngắm bông hoa đào.

Tay cầm bút đề thơ,
Tì má hôn vẫn vợ,

*Nàng ngâm lời thánh thót.
Ai không người ngẩn ngơ!*

*Ta lặng nhìn hơi lâu
-- Nhưng thì giờ đi mau --
Đứng ngay gần non bộ
Có ông lão ngồi câu.*

*Nàng chợt nghiêng thân ngà;
Thoáng bóng người xa xa,
Reo kinh hoàng, e lệ,
Đưa rơi cành bút hoa.*

*Ta mơ chưa lại hôn,
Nàng lẹ gót lầu son.
Vừa toan nhìn nét phượng,
Giấy then bay thu tròn...*

6-5-1933

CHÙA HƯƠNG

(Thiên ký sự của một cô bé ngày xưa)

*Hôm nay đi Chùa Hương,
Hoa cỏ mờ hơi sương.
Cùng thầy me² em dậy,
Em vấn đầu soi gương.*

*Khăn nhỏ, đuôi gà cao,
Em đeo dải yếm đào;
Quần lĩnh, áo the mới,
Tay cầm nón quai thao.*

2 Sao lại me? Dù nhà thơ định núi bằng giọng bông đùa như anh thường đùa trong suốt cả tập thơ thì cái tiếng ME lai căng vẫn rất chướng, không thích hợp chút nào, đã làm hỏng cái không khí xưa của câu chuyện và làm giảm giá trị bài thơ không ít, Ta tiếc như tiếc cho viên ngọc sáng mà có vết mầy! (B. B. Lân)

*Me cười: “Thầy nó trông!
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá!
Bao giờ cô lấy chồng?”*

*Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm,
Nhờ mỗi mai đưa tiếng,
Khen tươi như trăng rằm.*

*Nhưng em chưa lấy ai,
Vì thầy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm!
(Ý đợi người tài trai).*

*Em đi cùng với me.
Me em ngồi cáng tre,
Thầy theo sau cưỡi ngựa,
Thắt lưng dài đỏ hoe.*

*Thầy me ra đi dò,
Thuyền mấp mênh bên bờ.*

Em nhìn sông nước chảy
Đưa cánh bướm lơ nhô.

Mơ xa lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri âm?
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn nhân.

Người đâu thanh lạ nhường!
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương?

Chàng ngồi bên mẹ em,
Me hỏi chuyện làm quen:
« Thừa thầy đi chùa ạ?
Thuyền đông, trời ôi, chen! »

Chàng thưa: « Vâng, thuyền đông!
Rồi ngắm trời mênh mông,
Xa xa mờ núi biếc,
Phơn phớt ánh mây hồng.

Dòng sông nước đục lờ.
 Ngâm nga chàng đọc thơ.
 Thầy khen: « Hay! Hay quá! »
 Em nghe rồi ngẩn ngơ.

Thuyền đi. Bến Đục qua.
 Mỗi lúc gặp người ra,
 Thẹn thùng em không nói:
 “Nam mô A-di-đà!”

Réo rất xuôi đưa quanh.
 Ven bờ, ngọn núi xanh,
 Nhịp cầu xa nho nhỏ.
 Cảnh đẹp gần như tranh.

Sau núi Oản, Gà, Xôi,
 Bao nhiêu là khỉ ngồi.
 Tới núi con Voi phục,
 Có đủ cả đầu đuôi.

Chùa lấp sau rừng cây.
 (Thuyền ta đi một ngày)
 Lên cửa chùa em thấy

Hơn một trăm ăn mày.³

*Em đi, chàng theo sau.
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp,
Số gian nan không giàu.*

*Thầy me đến điện thờ,
Trầm hương khói tỏa mờ.
Hương như là sao lạc,
Lớp sóng người lô nhô.*

*Chen vào thật lắm công.
Thầy me em lẽ xong,*

3 Không hiểu sao hầu hết các sách báo đều chép câu này là « **Bao nhiêu là ăn mày** », sai hẳn nguyên văn của tác giả. Mới đọc, có vẻ như « dễ nghe » hơn, nhưng nghĩ kỹ thì mấy chữ « bao nhiêu là » thật mơ hồ, không tả được đúng cảnh. Những người chưa có dịp thăm chùa Hương, đọc câu đó chỉ hiểu nhiều, mà không ý niệm được nhiều thế nào! « **Hơn một trăm ăn mày** » nghe vừa ngộ nghĩnh vừa tả rất đúng vì mấy tháng hội chùa Hương ăn mày khắp nơi kéo về tụ hội rất đông và cái cảnh ăn mày ngồi thành hai dãy dài bên đường kêu xin là một cảnh rất đặc biệt không đâu có! Vả lại, trong đoạn thơ trên đã có câu « bao nhiêu là khi ngồi », vậy tưởng cần phải rất thận trọng khi sao lục thơ văn của người (nhất là những người đã khuất), kéo dặc tội với văn chương! (B. B. Lân).

*Quay về nhà ngang bảo:
« Mai mới vào chùa trong »*

*Chàng hai má đỏ hồng
Kêu với thằng tiểu đồng
Mang túi thơ bầu rượu:
« Mai ta vào chùa trong! »*

*Đêm hôm ấy em mừng.
Mùi trầm hương bay lừng,
Em nằm nghe tiếng mõ,
Rồi chim kêu trong rừng.*

*Em mơ, em yêu đời!
Mơ nhiều... Viết thế thôi!
Kẻ ai mà xem thấy,
Nhìn em đến nức cười!*

*Em chưa tỉnh giấc nồng,
Mây núi đã pha hồng.
Thầy me em sắp sửa,
Vàng hương vào chùa Trong.*

Đường mây đá cheo veo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo.
Vì thương me quá mệt,
Săn sóc chàng đi theo.

Me bảo: “Đường còn lâu,
Cứ vừa đi ta cầu
Quan thế âm bồ tát
Là tha hồ đi mau!»

Em ư? Em không cầu,
Đường vẫn thấy đi mau.
Chàng cũng cho như thế.
(Ra ta hợp tâm đầu)

Khi qua chùa Giải Oan,
Trông thấy bức tường ngang,
Chàng đưa tay lẹ bút
Thảo bài thơ liên hoàn.

Tấm tắc thấy khen: “Hay!
Chữ đẹp như rồng bay”.
(Bài thơ này em nhớ,

Nên chả chép vào đây).

*Ô! Chùa Trong đây rồi!
Động thăm bóng xanh ngời.
Gấm thêu trần thạch nhũ,
Ngọc nhuộm hương trầm rơi.*

*Me vui mừng hả hê:
« Tặc! Con đường mà ghê! »
Thầy kêu: « Mau lên nhé!
Chiều hôm nay ta về. »*

*Em nghe bỗng rụng rời
Nhìn ai luống ghen lời!
Giờ vui đời có vậy,
Thoảng ngày vui qua rồi!*

*Làn gió thổi hây hây,
Em nghe tà áo bay,
Em tìm hơi chàng thở.
Chàng ôi, chàng có hay?*

*Đường đây kia lên trời,
Ta bước tựa vai cười.*

*Yêu nhau, yêu nhau mãi!
Đi, ta đi, chàng ôi!*

*Ngun ngút khói hương vàng
Say trong giấc mơ màng,
Em cầu xin Trời, Phật
Sao cho em lấy chàng.*

(Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin rồi hai người lấy nhau, vì không lấy được nhau thì cô bé còn viết nhiều. Lấy nhau rồi là hết chuyện.)

